

Bản án số: 44/2017/HSST
Ngày 07 tháng 7 năm 2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ PHÚC YÊN- TỈNH VĨNH PHÚC

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đường Ngọc Đại
2. Ông Nguyễn Xuân Thịnh

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đường Thái Sơn, cán bộ Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên tham gia phiên tòa: Ông Lưu Hoàng Minh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 7 năm 2017 tại Nhà Văn Hóa thôn 2 Đạm Nội, xã Tiền Châu, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc, Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 37/2017/HSST ngày 16 tháng 6 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Lê Duy T, sinh năm 1993; Trú tại: Thôn X1, xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; con ông Lê Minh T, sinh năm 1966 và bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1969; vợ, con: không có. Tiền án: Tại bản án số 13/2013/HSST ngày 21/3/2013 Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ, tỉnh Phú Thọ xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “gây rối trật tự công cộng”. Ngày 31/7/2015 chấp hành xong hình phạt tù; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến nay, có mặt.

2. Bùi Xuân H1, sinh năm 1993; Trú tại: Tổ 6, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Bùi Xuân T, sinh năm 1955 và bà Dương Thị K, sinh năm 1964; vợ, con: không có. Tiền án: Tại bản án số 78/2013/HSST ngày 29/8/2013 Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc xử phạt 02 năm 06 tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 năm về tội “Cố ý gây thương tích”; tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31 tháng 3 năm 2017 đến nay, có mặt.

3. Nguyễn Thị H2, sinh năm 1990. HKTT: Thôn Đ, xã H, huyện Y, tỉnh Yên

Bái. Chỗ ở hiện nay: Thôn M 1, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; con ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1964 và bà Nguyễn Thị Đ, sinh năm: 1960; chồng La Văn L, sinh năm 1991 và có 01 con sinh năm 2012. Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 30 tháng 3 năm 2017 đến nay, có mặt.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1971, vắng mặt

- Anh Nguyễn Anh Q, sinh năm 1996, vắng mặt

Đều trú tại: Thôn X 1, xã C, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc.

NHẬN THẤY:

Các bị cáo Lê Duy T, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Thị H2 bị Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên truy tố về hành vi phạm tội như sau:

Khoảng 12 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2017, Nguyễn Thị H2 đang ở phòng trọ tại thôn M1, phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc nhận được điện thoại của đối tượng tự khai Vũ Duy V, sinh năm 1995, ở Khu 3, xã T, thị xã P (là bạn mới quen) hỏi mua ma túy với giá 1.000.000đ, H2 hẹn V đến trước cửa nhà nghỉ HD thuộc phường X, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc. Khoảng 30 phút sau, V một mình đi xe taxi biển kiểm soát (BKS) ZZA – ABC.QK của anh P, sinh năm 1985 ở thôn X, phường P, thị xã P, tỉnh Vĩnh Phúc đến, H2 lên xe ngồi ghế sau cạnh V và yêu cầu lái xe chở đến xã C mục đích đến gặp Lê Duy T, để mua ma túy bán lại cho V. Trên đường đi H2 mượn điện thoại của V gọi cho T hỏi mua ma túy với giá 700.000đ, T đồng ý và hẹn H2 đến đầu ngõ 37 đường N, thuộc xã C, thị xã P để giao dịch mua bán ma túy.

Trước khi nhận được điện thoại của H2, T đã gọi điện cho Bùi Xuân H1 rủ đi cắt tóc. H1 điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade, BKS: ZZH1 – QWE.PI đến đón T. T nói với H1 việc H2 vừa gọi điện mua ma túy giá 700.000đ và bảo H1 điều khiển xe đưa về nhà mình lấy ma túy bán cho H2, H1 đồng ý vì biết T sẽ cho mình sử dụng ma túy cùng. H1 đưa T về lấy ma túy rồi chở T đến đầu ngõ 37, đường N thì thấy V và H2 đang đứng đợi. Tại đây V đưa cho H2 1.000.000đ để mua ma túy, H2 cầm tiền xuống xe đưa cho T 1.000.000đ và nói: “cho chị gửi 300.000đ”, T hiểu ý H2 vì đó là số tiền tiền chênh lệnh H2 lấy sau. T cầm số tiền rồi đưa lại cho H2 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các tinh thể dạng đá, H2 cầm túi ma túy lên xe taxi và yêu cầu lái xe quay lại khu vực trước cửa nhà nghỉ HD (việc H2 giao dịch mua bán trái phép chất ma túy, anh P - lái xe taxi không biết).

Đến 13 giờ 45 phút cùng ngày khi đến trước cửa khu vực nhà nghỉ HĐ, H2 lấy túi ma túy vừa mua của T đưa cho V, V cầm túi ma túy và chia một phần ma túy trong túi gói lại bằng giấy vé xổ số đem theo người từ trước đưa cho H2 mục đích trả công H2 đã mua ma túy cho V. Khi H2 vừa cầm gói ma túy V đưa thì bị lực lượng công an bắt quả tang và thu của các đối tượng như sau: Thu trên người V: 01 túi nilon màu trắng bên trong chứa các tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A1 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng mà V dùng để liên lạc mua ma túy, đã cũ; Thu trên người H: 01 gói giấy (giấy vé xổ số) bên trong chứa các tinh thể dạng đá màu trắng, được niêm phong trong phong bì ký hiệu A2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng H2 dùng để liên lạc bán ma túy, đã cũ. Thu giữ của H1: 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: ZZH1 – QWE.PI và 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 215, màu đen; Thu giữ của T: số tiền 1.000.000đ là tiền mua bán ma túy và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng, đã cũ.

Ngày 31 tháng 3 năm 2017, Cơ quan điều tra đã ra lệnh bắt khẩn cấp và ra lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Lê Duy T và Bùi Xuân H1 nhưng không thu giữ tài sản gì.

Ngày 04 tháng 4 năm 2017, Phòng kỹ thuật hình sự công an tỉnh Vĩnh Phúc giám định và kết luận: *Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu kí hiệu A1 gửi đến giám định có trọng lượng là 0,1243 gam (Không phải một hai bốn ba gam, không kể bao bì), có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine có trong 0,1243 gam mẫu là 0,0771 gam (Không phải không bảy bảy một gam). Tinh thể dạng đá màu trắng của mẫu kí hiệu A2 gửi đến giám định có trọng lượng là 0,0435 gam (Không phải không bốn ba năm gam, không kể bao bì), có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine có trong 0,0435 gam mẫu là 0,0281 gam (Không phải không hai tám một gam).*

Mẫu vật hoàn lại sau giám định A1 = 0,0367 gam và A2 = 0,0000 gam mẫu và toàn bộ bao gói.

Như vậy, trọng lượng ma túy của Lê Duy T, Bùi Xuân H1, Nguyễn Thị H2 đã phạm tội có trọng lượng là $A1 + A2 = 0,1678$ gam có Methamphetamine. Trọng lượng Methamphetamine có trong 0,1678 gam là **0,1052** gam.

Đối với nguồn gốc toàn bộ số ma túy nêu trên bị cáo T và bị cáo H1 đều khai nhận mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực ga V, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội với giá 2.500.000đ. Số ma túy mua được hai bị cáo đã sử dụng dần, phần còn lại đem bán cho bị cáo H2 với giá 700.000đ. Quá

trình điều tra, cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của người bán ma túy cho các bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tự khai tên là Vũ Duy V, người mua 01 gói ma túy của bị cáo H2 để sử dụng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Khu 3 - Tiền Châu - P là địa chỉ nơi V đã khai nhưng không xác định được người có tên, tuổi, địa chỉ như đã nêu trên, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Phan Chí P là lái xe taxi nhưng anh P chỉ lái xe, không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy nêu trên, nên cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý.

Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade BKS: ZZH1 – QWE.PI màu đen, đỏ, qua điều tra xác định là tài sản thuộc quyền quản lý và sử dụng của ông Nguyễn Văn T. Ông T cho con trai là Nguyễn Anh Q mượn xe để sử dụng. Anh Q cho bị cáo Bùi Xuân H1 mượn xe để về nhà ăn cơm. Việc bị cáo H1 sử dụng xe làm phương tiện phạm tội, anh Q không biết. Do vậy ngày 09/5/2017 Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông T nhận lại.

Tại bản cáo trạng số: 43/KSĐT – MT ngày 15 tháng 6 năm 2017, Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố các bị cáo Lê Duy T, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Thị H2 về tội “ Mua bán trái phép chất ma túy” theo khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự.

Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo khai nhận phù hợp với nội dung Cáo trạng như đã nêu trên và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên luận tội đối với các bị cáo: Giữ nguyên quyết định truy tố như cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Lê Duy T, Nguyễn Thị H2, Bùi Xuân H1 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng khoản 1 Điều 194; điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48; Điều 20, Điều 53 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Lê Duy T. Xử phạt bị cáo T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù, tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999; Nghị quyết 109/2015/QH 13 và Nghị quyết số 144/2016/QH 13 của Quốc Hội, khoản 3 Điều 7, điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự 2015 đối với bị cáo Bùi Xuân H1. Xử phạt bị cáo H1 từ 03 năm đến 03 năm 03 tháng tù, tổng hợp hình phạt với hình phạt 02 năm 06 tháng tù của bản án số 78/HSST ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên, tính từ ngày 31/3/2017.

Áp dụng khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999 đối với bị cáo Nguyễn Thị H2. Xử phạt bị cáo H2 từ 02 năm 09 tháng đến 03 năm tù, tính từ ngày 30/3/2017.

Miễn hình phạt bổ sung đối với các bị cáo vì các bị cáo không có tài sản.

Ngoài ra Viện kiểm sát còn đề nghị xử lý vật chứng.

Căn cứ vào các chứng cứ tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, khách quan, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và ý kiến các bị cáo.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo đã hoàn toàn thừa nhận hành vi phạm tội của mình như cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên đã truy tố. Xét lời nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ...và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 30 tháng 3 năm 2017 tại ngõ số 37, đường Nguyễn Văn Linh thuộc X 1 – C – P, Lê Duy T và Bùi Xuân H1 bán trái phép 01 túi ma túy đá có trọng lượng tinh chất Methamphetamine là **0,1052** gam cho Nguyễn Thị H2 với giá 700.000đ. Khoảng 13 giờ 45 phút cùng ngày, Nguyễn Thị H2 cầm túi ma túy trên đến khu vực trước cổng nhà nghỉ HD, ở thôn Y2, phường X, thị xã P bán trái phép cho Vũ Duy V với giá 1.000.000đ thì bị công an bắt quả tang.

Hành vi nêu trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự. Khoản 1 Điều 194 Bộ luật hình sự quy định:

“ Người nào... mua bán trái phép... chất ma túy, thì bị phạt tù từ hai năm đến bảy năm”.

Xét tính chất vụ án là nghiêm trọng, hành vi mua bán trái phép **0,1052** gam ma túy ở thể rắn của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Hành vi đó đã xâm phạm đến trật tự xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước đối với chất ma túy, chất gây nghiện. Như chúng ta đã biết nghiện ma túy có thể gây lây nhiễm HIV cho người khác qua con đường tiêm chích, gây ảnh hưởng tới sức khỏe, kinh tế của người nghiện, làm suy thoái đạo đức, giống nòi. Nó còn là một trong những nguyên nhân gây ra những loại tội phạm khác. Vì vậy việc đưa các bị cáo ra xét xử lưu động tại nhà Văn hóa thôn Đạm Nội 2, xã Tiên Châu không chỉ nhằm giáo dục riêng cho các bị cáo mà còn mang tính giáo dục chung và phòng ngừa tội phạm trong xã hội.

Xét nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bản thân các bị cáo có sức khỏe nhưng không chịu lao động, rèn luyện để trở thành công dân có ích cho xã hội mà do ham chơi, đua đòi nên đã cùng bạn bè sử dụng và mua bán trái phép chất ma túy. Để có tiền mua ma túy sử dụng các bị cáo đã thực hiện hành vi bán trái phép chất ma túy. Trong vụ án này, bị cáo Lê Duy T là người chủ mưu, cầm đầu, rủ Bùi Xuân H1 đi bán ma túy cho Nguyễn Thị H2 với mục đích kiếm lời. Bản thân bị cáo T đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã Phú Thọ xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “ Gây rối trật tự công cộng” chưa được xóa án tích nay lại phạm tội. Bị cáo Bùi Xuân H1 là người giúp sức chở bị cáo T đi bán trái phép chất ma túy, bị cáo H1 cũng đã từng bị Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên xử phạt 02 năm 06 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 05 năm về tội “ Cố ý gây thương tích”. Các bị cáo không lấy đó làm bài học cho bản thân mà lại còn tiếp tục phạm tội. Lần phạm tội này của bị cáo T và bị cáo H1 thuộc trường hợp phạm tội tái phạm. Bị cáo Nguyễn Thị H2 là người trực tiếp bán trái phép chất ma túy cho V để kiếm lời. Các bị cáo đều nhận thức được tác hại của ma túy nhưng vì háms lời và muốn có ma túy để sử dụng nên các bị cáo đã bất chấp pháp luật, đi gieo rắc cái chết trắng cho người khác. Vì vậy cần phải xử các bị cáo mức hình phạt nghiêm khắc để giáo dục riêng các bị cáo và phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

Tuy nhiên khi lượng hình, Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho các bị cáo vì tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự. Riêng bị cáo H1 được sinh ra và lớn lên trong gia đình có công với cách mạng, bố bị cáo H1 là ông Bùi Xuân T đã từng tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước và được Chủ tịch nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến hạng Nhì và khi tham gia tình nguyện chiến đấu tại Campuchia, ông T bị thương, có giấy chứng nhận thương binh 4/4. Vì vậy bị cáo H1 được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 46 Bộ luật hình sự năm 1999. Tuy nhiên, căn cứ Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội, khoản 3 Điều 7 Bộ luật hình sự năm 2015 và theo hướng dẫn tại Công văn 327/TANDTC-PC ngày 07 tháng 11 năm 2016 viện dẫn các điều khoản có lợi cho người phạm tội của Bộ luật hình sự năm 2015 thì bị cáo H1 được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Về tình tiết tăng nặng, bị cáo T và bị cáo H1 phạm tội khi chưa được xóa án tích nên phải chịu tình tiết tăng nặng tái phạm quy định tại điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999. Bị cáo H1 phạm tội trong thời gian thử thách nên theo quy định tại khoản 5 Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 bị cáo H1 phải chấp hành hình phạt 02 năm 06 tháng tù tại bản án số 78/2013/HSST ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 51 Bộ luật hình sự năm 1999.

Sau khi cân nhắc nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ cũng như tính chất, mức độ, hậu quả xảy ra, Hội đồng xét xử thấy cần buộc các bị cáo chấp hành hình phạt tù một thời gian để giáo dục các bị cáo trở thành những công dân có ích cho xã hội.

Về hình phạt bổ sung: Hội đồng xét xử thấy các bị cáo bán ma túy trái phép với mục đích kiếm lời nhưng qua kết quả xác minh tại địa phương, các bị cáo không có tài sản, không có nghề nghiệp, sống phụ thuộc gia đình nên miễn hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

Về nguồn gốc ma túy, bị cáo T và bị cáo H1 đều khai nhận mua của một người đàn ông không biết tên tuổi, địa chỉ tại khu vực ga V, thị trấn V, huyện T, thành phố Hà Nội với giá 2.500.000đ. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra chưa làm rõ được nhân thân, lai lịch của người bán ma túy cho các bị cáo, Cơ quan điều tra tiếp tục điều tra, xác minh khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tự khai tên là Vũ Duy V, người mua 01 gói ma túy của bị cáo H2 để sử dụng. Quá trình điều tra, cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh tại Khu 3, xã T, thị xã P là địa chỉ nơi V đã khai nhưng không xác định được người có tên, tuổi, địa chỉ như đã nêu trên, Cơ quan điều tra tiếp tục làm rõ xử lý sau.

Đối với anh Phan Chí P là lái xe taxi nhưng anh P chỉ lái xe, không biết và không liên quan đến việc mua bán trái phép chất ma túy nêu trên, nên cơ quan điều tra không đề cập việc xử lý là phù hợp.

Về vật chứng: Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Blade biển kiểm soát (BKS): ZZH1 – QWE.PI màu đen, đỏ. Qua điều tra xác định xe đăng ký tên Nguyễn Tuấn D, sinh năm 1991, là con trai của ông Nguyễn Văn T. Anh D đã có giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Văn T quản lý và sử dụng chiếc xe nên chiếc xe là tài sản thuộc quyền quản lý, sử dụng hợp pháp của ông Nguyễn Văn T. Ông T cho con trai là Nguyễn Anh Q mượn xe để sử dụng. Anh Q cho bị cáo H1 mượn xe, khi mượn xe bị cáo nói để về nhà ăn cơm nên anh Q không biết việc bị cáo H1 sử dụng

xe làm phương tiện mua bán trái phép chất ma túy. Do đó, ngày 09/5/2017 Cơ quan điều tra đã trả chiếc xe trên cho ông T là hợp pháp.

Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng thu giữ của V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng thu giữ của bị cáo H2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng, đã cũ thu giữ của bị cáo T đều sử dụng để liên lạc trao đổi mua bán trái phép chất ma túy, nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước. Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 215, màu đen thu giữ của bị cáo H1 không liên quan đến hành vi phạm tội nên trả lại cho bị cáo H1 nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Toàn bộ bao gói và mẫu vật hoàn lại sau giám định A1 = 0.0367g và A2 = 0,0000 gam cần tịch thu tiêu hủy.

Cần tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000đồng do mua bán trái phép chất ma túy mà có.

Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Hội đồng xét xử thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên toà là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật cần được xem xét chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Lê Duy T, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Thị H2 phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Áp dụng: khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46; điểm g khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự 1999.

Xử phạt: Bị cáo Lê Duy T 03 (*ba*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2017

Áp dụng: khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46, Điều 20, Điều 53; điểm g khoản 1 Điều 48; khoản 5 Điều 60, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự 1999; và Nghị quyết số 109/2015/QH13 ngày 27 tháng 11 năm 2015; Nghị quyết số 144/2016/QH13 ngày 29 tháng 6 năm 2016 của Quốc hội; khoản 3 Điều 7 và điểm x khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

Xử phạt: Bị cáo Bùi Xuân H1 03 (*ba*) năm tù, tổng hợp với 02 (*hai*) năm 06 (*sáu*) tháng tù tại bản án số 78/2013/HSST ngày 29/8/2013 của Tòa án nhân dân thị xã Phúc Yên. Buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 05 (*năm*) năm 06 (*sáu*) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 31 tháng 3 năm 2017

Áp dụng: khoản 1 Điều 194, điểm p khoản 1 Điều 46 Bộ luật hình sự 1999
Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Thị H2 02 (*hai*) năm 09 (*chín*) tháng tù, thời hạn tù tính từ

ngày 30 tháng 3 năm 2017.

Về vật chứng: Áp dụng: Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu tiêu hủy mẫu vật còn lại sau giám định A1 = 0,0367 gam và A2 = 0,0000 gam mẫu và toàn bộ bao gói do cơ quan giám định hoàn lại.

- Tịch thu bán sung quỹ Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu đen trắng của Vũ Duy V và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng, đã cũ của bị cáo Nguyễn Thị H2 và 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 5s màu vàng trắng, đã cũ của bị cáo Lê Duy T.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng);

- Trả lại bị cáo H1 01 điện thoại nhãn hiệu Nokia 215, màu đen đã cũ nhưng tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như biên bản giao nhận vật chứng lập ngày 04 tháng 7 năm 2017 tại cơ quan Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên).

Án phí Hình sự sơ thẩm: Áp dụng Điều 99 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Buộc các bị cáo Lê Duy T, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Thị H2, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo Lê Duy T, Bùi Xuân H1 và Nguyễn Thị H2 có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân thị xã Phúc Yên;
- Trại tạm giam CA tỉnh Vĩnh Phúc;
- Sở tư pháp Vĩnh Phúc và Yên Bái;
- Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Phúc Yên;
- Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan
- Lưu HS, V.P.

**T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Nguyễn Thị Mỹ Hạnh